

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 1 - CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 176/2026/DS-ST
Ngày 16-6-2026
V/v tranh chấp hợp đồng tặng
cho quyền sử dụng đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Ngọc Huyền

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Hà Trọng Tâm

Bà Huỳnh Trúc Duyên

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Ngọc Mai – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1 - Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Cà Mau tham gia phiên tòa:
Ông Dương Phi Cát – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 6 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1 - Cà Mau, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 109/2026/TLST-DS ngày 08 tháng 01 năm 2026 về việc “Tranh chấp hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 1462/2026/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 5 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông **Đỗ Văn S**, sinh năm 1970 (Có mặt).

CCCD số 096070008817, **Cục C2** về trật tự xã hội cấp ngày 26/5/2022.

Địa chỉ: **Số C L, Khóm B, phường T, tỉnh Cà Mau.**

- Bị đơn: Ông **Đỗ Văn T**, sinh năm 1950 (Vắng mặt và có Đơn xin xét xử vắng mặt).

CCCD số 096050002488, **Cục C2** về trật tự xã hội cấp ngày 11/8/2021.

Địa chỉ: **Số F P, Khóm B, phường T, tỉnh Cà Mau.**

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông **Đỗ Văn T1**, sinh năm 1948 (Vắng mặt và có Đơn xin xét xử vắng mặt).

- CCCD số 096048004428, Cục C2 về trật tự xã hội cấp ngày 14/8/2021.
Địa chỉ: Ấp C, xã C, tỉnh Cà Mau.
2. Bà Đỗ Thị Đ, sinh năm 1957 (Vắng mặt và có Đơn xin xét xử vắng mặt).
CCCD số 096157007446, Cục C2 về trật tự xã hội cấp ngày 12/8/2021.
Địa chỉ: Số C L, Khóm B, phường T, tỉnh Cà Mau.
3. Ông Đỗ Văn T2, sinh năm 1953 (Vắng mặt và có Đơn xin xét xử vắng mặt).
CCCD số 096053001924, Cục C2 về trật tự xã hội cấp ngày 14/8/2021.
Địa chỉ: Số G, đường K, Khóm F, phường H, tỉnh Cà Mau
4. Ông Đỗ Văn T3, sinh năm 1965 (Vắng mặt và có Đơn xin xét xử vắng mặt).
CCCD số 096065008340, Cục C2 về trật tự xã hội cấp ngày 13/8/2021.
Địa chỉ: Số C L, Khóm B, phường T, tỉnh Cà Mau.
5. Bà Đỗ Thị H, sinh năm 1969 (Vắng mặt và có Đơn xin xét xử vắng mặt).
CCCD số 096169011455, Cục C2 về trật tự xã hội cấp ngày 10/5/2021.
Địa chỉ: Số C L, Khóm B, phường T, tỉnh Cà Mau.
6. Bà Đỗ Thị Thùy N, sinh năm 1973 (Vắng mặt và có Đơn xin xét xử vắng mặt).
CCCD số 096173008291, Cục C2 về trật tự xã hội cấp ngày 14/8/2021.
Địa chỉ: Số C L, Khóm B, phường T, tỉnh Cà Mau.
7. Ông Nguyễn Phước S1, sinh năm 1944 (Chồng bà Đỗ Thị H1) (Vắng mặt và có Đơn xin xét xử vắng mặt).
Địa chỉ: Số D, đường L, Khóm B, phường T, tỉnh Cà Mau.
8. Ông Nguyễn Thanh T4, sinh năm 1971 (Con bà Đỗ Thị H1) (Vắng mặt và có Đơn xin xét xử vắng mặt).
CCCD số 096071009717, Cục C2 về trật tự xã hội cấp ngày 11/8/2021.
Địa chỉ: Số B L, Khóm F, Phường A, tỉnh Cà Mau.
9. Ông Nguyễn Thanh T5, sinh năm 1974 (Con bà Đỗ Thị H1) (Vắng mặt và có Đơn xin xét xử vắng mặt).
Địa chỉ: Số E L, Khóm A, phường T, tỉnh Cà Mau.
10. Bà Nguyễn Thị Thanh T6, sinh năm 1975 (Con bà Đỗ Thị H1) (Vắng mặt).
CCCD số 096175006184, Cục C2 về trật tự xã hội cấp ngày 27/02/2022.
Địa chỉ: Số C L, Khóm B, phường T, tỉnh Cà Mau.
Chỗ ở hiện nay: Ấp K, xã Đ, tỉnh Cà Mau.
11. Bà Nguyễn Thị Thanh N1, sinh năm 1978 (Con bà Đỗ Thị H1) (Vắng mặt và có Đơn xin xét xử vắng mặt).

CCCD số 096178014929, Cục C2 về trật tự xã hội cấp ngày 11/8/2021.

Địa chỉ: Số B L, Khóm A, phường A, tỉnh Cà Mau¹². Ông Nguyễn Thanh T7, sinh năm 1980 (Con bà Đỗ Thị H1) (Vắng mặt và có Đơn xin xét xử vắng mặt).

CCCD số 096080010710, Cục C2 về trật tự xã hội cấp ngày 11/8/2021.

Địa chỉ: Số D L, Khóm B, phường T, tỉnh Cà Mau.

Chỗ ở hiện nay: 7 L, phường A, tỉnh Cà Mau.

13. Ông Nguyễn Thanh T8, sinh năm 1986 (Con bà Đỗ Thị H1) (Vắng mặt và có Đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Số D L, Khóm B, phường T, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện đề ngày 08/01/2026 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn là ông Đỗ Văn S trình bày:*

Mẹ của ông là bà Nguyễn Thị N2 chết năm 2000 và cha của ông là ông Đỗ Văn C chết năm 2019, có tổng cộng mười người con, gồm: Bà Đỗ Thị H1 (Chết năm 2018, chồng của bà H1 là ông Nguyễn Phước S1 và các con của bà H1 là: Ông Nguyễn Thanh T5, ông Nguyễn Thanh T8, ông Nguyễn Thanh T7, ông Nguyễn Thanh T4, bà Nguyễn Thị Thanh T6 và bà Nguyễn Thị Thanh N1), ông Đỗ Văn T, ông Đỗ Văn T1, bà Đỗ Thị Đ, ông Đỗ Văn T2, ông Đỗ Văn T3, bà Đỗ Thị H2 (Chết năm 2013, bà H2 không có chồng con), bà Đỗ Thị H, ông và bà Đỗ Thị Thùy N.

Sinh thời, cha mẹ của ông tạo lập nhiều tài sản là nhà và đất; sau khi dựng vợ, gả chồng cho các con thì cha mẹ ông tặng cho, phân chia tài sản và làm thủ tục cấp giấy chứng nhận nhà và đất riêng biệt cho từng người. Ông cũng được cha mẹ ông tặng cho quyền sử dụng đất tại thửa số 27, tờ bản đồ số 41, với diện tích 11.323,1m² tọa lạc tại Khóm F, Phường F, thành phố C, tỉnh Cà Mau (Nay là phường H, tỉnh Cà Mau) từ trước năm 2000 để ông quản lý, sử dụng cho đến nay. Do ông là con trai út ở chung với cha mẹ, chăm sóc, phụng dưỡng cha mẹ nên ông chưa làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất phần đất cha mẹ ông cho ông. Sau khi mẹ ông chết thì đến ngày 11/7/2016 cha của ông có lập văn bản “Đơn xin xác nhận” được Ủy ban nhân dân Phường F, thành phố C, tỉnh Cà Mau xác nhận chữ ký, thể hiện nội dung: Cha mẹ ông thống nhất phân chia tài sản cho các con nhưng do điều kiện một số nhà đất chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên không đủ thủ tục lập di chúc, trong đó cha mẹ ông có phân chia cho ông phần đất thuộc thửa số 27, tờ bản

đồ số 41, diện tích 11.323,1 m², tọa lạc tại Khóm F, Phường F, thành phố C, tỉnh Cà Mau (Nay là phường H, tỉnh Cà Mau).

Tính pháp lý và hiệu lực của “Đơn xin xác nhận” ngày 11/7/2016 và ý chỉ định đoạt của cha ông đã được Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau thừa nhận và khẳng định tại Bản án phúc thẩm số 158/2025/DS-PT ngày 10/4/2025.

Theo kết quả đo đạc chính lý vào ngày 18/9/2025 của Văn phòng đăng ký đất đai phần đất thuộc thửa số 27, tờ bản đồ số 41, diện tích 11.323,1 m² nay là thửa số 65, tờ bản đồ số 28, diện tích 11.831,7 m², tọa lạc tại Khóm F, Phường F, thành phố C, tỉnh Cà Mau (Nay là phường H, tỉnh Cà Mau).

Trước đây, ông đã từng nộp đơn khởi kiện nhưng do anh em, con cháu của ông đã yêu cầu ông rút đơn khởi kiện và hứa sẽ ký cho ông các thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, vì tin tưởng nên ông đã rút đơn khởi kiện. Tuy nhiên, sau khi ông rút đơn khởi kiện và tiến hành các thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì ông Đỗ Văn T thay đổi thái độ, gây khó khăn, không hợp tác để ông hoàn thiện thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Từ những lý do nêu trên, nay ông khởi kiện yêu cầu Tòa án công nhận Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa cha ông là ông Đỗ Văn C và ông đối với phần đất thuộc thửa số 27, tờ bản đồ số 41, diện tích 11.323,1 m² nay là thửa số 65, tờ bản đồ số 28, diện tích 11.831,7 m², tọa lạc tại Khóm F, Phường F, thành phố C, tỉnh Cà Mau (Nay là phường H, tỉnh Cà Mau) theo “Đơn xin xác nhận” của cha ông là ông Đỗ Văn C vào ngày 11/7/2016 để ông được toàn quyền quản lý, sử dụng phần đất nói trên.

Ông yêu cầu được giữ kết quả đo đạc tại “Bản trích đo hiện trạng” ngày 22/8/2024 của Chi nhánh Công ty TNHH T9 bản đồ Tán C1 tại Cà Mau.

Phần đất trên do ông quản lý, sử dụng từ năm 2000 cho đến nay, không có chuyển nhượng, cầm cố cho tổ chức, cá nhân nào khác.

** Tại Biên bản ghi ý kiến của đương sự ngày 06/4/2026, bị đơn là ông Đỗ Văn T trình bày:*

Ông thống nhất theo đơn khởi kiện của ông Đỗ Văn S. Vào ngày 11/7/2016 cha của ông là ông Đỗ Văn C có lập văn bản “Đơn xin xác nhận” cho ông S phần đất thuộc thửa số 27, tờ bản đồ số 41, diện tích 11.323,1 m², tọa lạc tại Khóm F, phường F, thành phố C, tỉnh Cà Mau (Theo kết quả đo đạc chính lý vào ngày 18/9/2025 của Văn phòng đăng ký đất đai là thửa số 65, tờ bản đồ số 28, diện tích 11.831,7 m²). Phần đất trên do ông S quản lý, sử dụng từ năm 2000 cho đến nay. Nay ông đồng ý yêu cầu Tòa án công nhận việc tặng cho của cha ông cho ông S

phần đất nói trên theo “Đơn xin xác nhận” của ông C vào năm 2016 để ông S được toàn quyền quản lý, sử dụng phần đất nói trên.

Ông đồng ý giữ kết quả đo đạc tại “Bản trích đo hiện trạng” ngày 22/8/2024 của Chi nhánh Công ty TNHH T9 bản đồ Tán C1 tại Cà Mau để giải quyết trong vụ án này.

Ông xác định ông không có tranh chấp với ông Đỗ Văn S, ông đề nghị Tòa xác định tư cách của ông là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chứ không phải là bị đơn trong vụ án.

Do tuổi cao và điều kiện đi lại khó khăn nên ông xin được vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nêu trên.

* Tại các Biên bản ghi ý kiến của đương sự ngày 25/3/2026, ngày 02/4/2026, ngày 06/4/2026 và ngày 10/4/2026, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Đỗ Văn T1, bà Đỗ Thị Đ, ông Đỗ Văn T2, ông Đỗ Văn T3, bà Đỗ Thị H, bà Đỗ Thị Thùy N, ông Nguyễn Phước S1, ông Nguyễn Thanh T4, ông Nguyễn Thanh T5, bà Nguyễn Thị Thanh N1, ông Nguyễn Thanh T7 và ông Nguyễn Thanh T8 đều trình bày:

Ông, bà thống nhất lời trình bày của ông Đỗ Văn S. Vào ngày 11/7/2016 cha, ông của ông, bà là ông Đỗ Văn C có lập văn bản “Đơn xin xác nhận” cho ông S phần đất thuộc thửa số 27, tờ bản đồ số 41, diện tích 11.323,1 m², tọa lạc tại Khóm F, phường F, thành phố C, tỉnh Cà Mau (Theo kết quả đo đạc chính lý vào ngày 18/9/2025 của Văn phòng đăng ký đất đai là thửa số 65, tờ bản đồ số 28, diện tích 11.831,7 m²). Phần đất trên do ông S quản lý, sử dụng từ năm 2000 cho đến nay. Nay ông, bà đồng ý yêu cầu Tòa án công nhận việc tặng cho của cha, ông của ông, bà cho ông S phần đất nói trên theo “Đơn xin xác nhận” của ông C vào năm 2016 để ông S được toàn quyền quản lý, sử dụng phần đất nói trên.

Ông, bà đồng ý giữ kết quả đo đạc tại “Bản trích đo hiện trạng” ngày 22/8/2024 của Chi nhánh Công ty TNHH T9 bản đồ Tán C1 tại Cà Mau để giải quyết trong vụ án này.

Do điều kiện đi lại và công việc khó khăn nên ông, bà xin được vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nêu trên.

* Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị Thanh T6:
Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, bà T6 đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng bà T6 từ chối nhận vì cho rằng bà không liên quan đến vụ án.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Cà Mau phát biểu quan điểm:

- Về việc tuân theo pháp luật Tổ tụng dân sự trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa của những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, không có vi phạm.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc công nhận Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa ông **Đỗ Văn C** và ông **Đỗ Văn S** đối với phần đất thuộc thửa số 65, tờ bản đồ số 28, diện tích 11.831,7 m², tọa lạc tại **Khóm F, Phường F, thành phố C, tỉnh Cà Mau (Nay là phường H, tỉnh Cà Mau)**. Ông **Đỗ Văn S** có quyền, nghĩa vụ liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

- Về án phí dân sự sơ thẩm, chi phí tố tụng: Đương sự phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Quan hệ tranh chấp giữa nguyên đơn là ông **Đỗ Văn S** và bị đơn là ông **Đỗ Văn T** là “Tranh chấp Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất”; bị đơn hiện đang cư trú tại **Khóm B, phường T, tỉnh Cà Mau** nên Tòa án có thẩm quyền giải quyết là Tòa án nhân dân khu vực 1 – Cà Mau theo quy định tại Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

Nguyên đơn là ông **Đỗ Văn S** yêu cầu Tòa án công nhận Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa ông **Đỗ Văn C** và ông **Đỗ Văn S** đối với phần đất thuộc thửa số 27, tờ bản đồ số 41, diện tích 11.323,1 m² nay là thửa số 65, tờ bản đồ số 28, diện tích 11.831,7 m², tọa lạc tại **Khóm F, Phường F, thành phố C, tỉnh Cà Mau (Nay là phường H, tỉnh Cà Mau)** theo “Đơn xin xác nhận” của ông **Đỗ Văn C** vào ngày 11/7/2016 để ông **Đỗ Văn S** được toàn quyền quản lý, sử dụng phần đất nói trên.

Xét thấy bà **Nguyễn Thị N2** chết năm 2000 và ông **Đỗ Văn C** chết năm 2019 đều không để lại di chúc, tuy nhiên đến ngày 11/7/2016 ông **C** ký “Đơn xin xác nhận” gửi **Ủy ban nhân dân Phường F, thành phố C, tỉnh Cà Mau**, nội dung xin xác nhận: Ông **C** và vợ ông **C** là bà **N2** cho đất và nhà cho các con, trong đó có cho ông

Đỗ Văn S phần đất thuộc thửa số 27, tờ bản đồ số 41, diện tích 11.323,1 m² nay là thửa số 65, tờ bản đồ số 28, diện tích 11.831,7 m², tọa lạc tại **Khóm F, Phường F, thành phố C, tỉnh Cà Mau (Nay là phường H, tỉnh Cà Mau)** với lý do là một số nhà và đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên không đủ thủ tục lập di chúc, được chính quyền địa phương xác nhận.

Đối với “Đơn xin xác nhận” ngày 11/7/2016 của ông **Đỗ Văn C**, mặc dù văn bản không được lập dưới hình thức Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật đất đai và chưa đúng quy định tại Điều 459 Bộ Luật dân sự về mặt hình thức; tuy nhiên, về mặt nội dung thì văn bản nêu trên thể hiện ý chí tự nguyện của ông **C** tặng cho ông **S** phần đất và thực tế là ông **C** và bà **N2** đã giao phần đất cho ông **S** quản lý, sử dụng từ năm 2000 cho đến nay đúng quy định tại Điều 457 Bộ Luật dân sự; đây là chứng cứ quan trọng chứng minh ý chí tự nguyện tặng cho của người có quyền sử dụng đất. Đồng thời, Bản án phúc thẩm số 158/2025/DS-PT ngày 10/4/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau cũng đã thừa nhận và khẳng định giá trị pháp lý của văn bản này cùng ý chí định đoạt tài sản của ông **C**.

Mặt khác, sau khi ông **Đỗ Văn C** chết thì các anh chị em của ông **S** gồm: Ông **T**, ông **T1**, bà **Đ**, ông **T3**, ông **T2**, bà **H**, ông **S** và bà **N** có lập Biên bản họp mặt anh em ngày 27/5/2021 với nội dung: Các anh em đồng ý với “Đơn xin xác nhận” ngày 11/7/2016 của ông **C** (Tất cả có ký tên, riêng ông **T** không có ký tên); đối với bà **H2** chết năm 2013 không có chồng con, bà **H1** chết năm 2018 chồng và các con của bà **H1** từ chối nhận di sản và cam kết, xác nhận đồng ý theo “Đơn xin xác nhận” ngày 11/7/2016 của ông **C**. Đồng thời, hiện nay tất cả anh chị em của ông **S** đều được hưởng di sản đúng như “Đơn xin xác nhận” phân chia tài sản cho các con ngày 11/7/2016 của ông **Đỗ Văn C**.

Ngoài ra, trong suốt quá trình giải quyết vụ án, ông **T**, ông **T1**, ông **T2**, ông **T3**, bà **Đ**, bà **H**, bà **N**, ông **S1**, ông **T4**, ông **T8**, ông **T7**, ông **T5**, bà **N1** đều thống nhất với yêu cầu khởi kiện của ông **Đỗ Văn S**, thống nhất xác định phần đất thuộc thửa số 27, tờ bản đồ số 41, diện tích 11.323,1 m² nay là thửa số 65, tờ bản đồ số 28, diện tích 11.831,7 m², tọa lạc tại **Khóm F, Phường F, thành phố C, tỉnh Cà Mau (Nay là phường H, tỉnh Cà Mau)** do ông **S** quản lý, sử dụng từ năm 2000 cho đến nay và thống nhất yêu cầu Tòa án công nhận việc tặng cho của cha, ông của ông, bà cho ông **S** phần đất theo “Đơn xin xác nhận” của ông **C** vào năm 2016 để ông **S** được toàn quyền quản lý, sử dụng phần đất mà không đặt ra bất kỳ yêu cầu chia thừa kế nào đối với phần đất nêu trên.

Tất cả các đương sự trong vụ án (Trừ bà T6 từ chối nhận văn bản tố tụng của Tòa án và không tham gia giải quyết vụ án vì cho rằng bà không liên quan) đều đồng ý giữ kết quả đo đạc tại “Bản trích đo hiện trạng” ngày 22/8/2024 của Chi nhánh Công ty TNHH T9 bản đồ Tán C1 tại Cà Mau để giải quyết trong vụ án này. Hiện trạng đất, công trình trên đất từ khi xem xét, đo đạc, thẩm định tại chỗ vào năm 2024 đến nay không thay đổi và do ông Đỗ Văn S quản lý, sử dụng, không có chuyển nhượng, cầm cố cho tổ chức, cá nhân nào khác.

Từ những phân tích, đánh giá trên cho thấy yêu cầu khởi kiện của ông Đỗ Văn S về việc công nhận Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất (Đơn xin xác nhận ngày 11/7/2016) giữa ông Đỗ Văn C và ông Đỗ Văn S đối với phần đất qua đo đạc thực tế có diện tích 11.831,7 m², tọa lạc tại Khóm F, Phường F, thành phố C, tỉnh Cà Mau (Nay là phường H, tỉnh Cà Mau) theo trích đo hiện trạng ngày 22/8/2024 của Chi nhánh Công ty TNHH T9 bản đồ Tán C1 tại Cà Mau để ông S được toàn quyền quản lý, sử dụng phần đất là hoàn toàn phù hợp, có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Đối với việc ông Đỗ Văn T xác định ông T không có tranh chấp với ông Đỗ Văn S, ông T đề nghị Tòa xác định tư cách của ông T là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chứ không phải là bị đơn trong vụ án.

Xét thấy: Tại Đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là ông Đỗ Văn S xác định ông Đỗ Văn T là bị đơn vì cho rằng ông T cản trở, gây khó khăn, không hợp tác để ông S hoàn thiện thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, làm ảnh hưởng đến quyền lợi ông S, đây là ý chí và quyền của nguyên đơn; mặt khác, mặc dù ông S xác định ông T là bị đơn nhưng tất cả các chi phí tố tụng và án phí ông S đều tự nguyện chịu thay ông T, không ảnh hưởng đến quyền và nghĩa vụ của ông T nên Hội đồng xét xử vẫn giữ nguyên tư cách ông Đỗ Văn T là bị đơn trong vụ án.

[4] Về chi phí đo đạc, xem xét thẩm định tại chỗ: Ông Đỗ Văn S tự nguyện chịu, ông S đã thanh toán xong.

[5] Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch ông Đỗ Văn S tự nguyện chịu thay ông Đỗ Văn T nên ông S phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là 300.000 đồng.

[6] Xét lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Cà Mau là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Các Điều 26, 35, 39, 92, 147, 227, 271, 273 Bộ Luật Tố tụng dân sự;
- Các Điều 129, 192, 194, 457, 459 Bộ Luật dân sự;
- Điều 27 Luật Đất đai;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông **Đỗ Văn S** về việc công nhận Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất (Đơn xin xác nhận ngày 11/7/2016) giữa ông **Đỗ Văn C** và ông **Đỗ Văn S** đối với phần đất qua đo đạc thực tế có diện tích 11.831,7 m², tọa lạc tại **Khóm F, Phường F, thành phố C, tỉnh Cà Mau (Nay là phường H, tỉnh Cà Mau)** theo trích đo hiện trạng ngày 22/8/2024 của Chi nhánh **Công ty TNHH T9** bản đồ **Tân C1** tại Cà Mau để ông **Đỗ Văn S** được toàn quyền quản lý, sử dụng phần đất. Phần đất có ký hiệu M1M2M3M4.

(Kèm theo bản vẽ trích đo hiện trạng ngày 22/8/2024 của Chi nhánh **Công ty TNHH T9** tại Cà Mau).

Ông **Đỗ Văn S** có quyền liên hệ cơ quan chuyên môn để làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

- Về chi phí đo đạc, xem xét thẩm định tại chỗ: Ông **Đỗ Văn S** tự nguyện chịu, ông **S** đã thanh toán xong.

- Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch ông **Đỗ Văn S** phải chịu là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) được đối trừ số tiền tạm ứng án phí mà ông **S** đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền số 0000241 ngày 08/01/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau, sau khi đối trừ ông **S** đã nộp đủ.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự còn lại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án

dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND khu vực 1 - Cà Mau;
- THADS tỉnh Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu **văn thư.**

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Ngọc Huyền